

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 9 - 2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH T HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn T Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hoàn

Ông Bùi Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh T Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh T Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số 35/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị E; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn Vìn Cộn, xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T ; sinh năm: 1978; nơi cư trú: Thôn Vìn Cộn, xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị E, vắng mặt anh T. Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị E trình bày: Chị và anh Phạm Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 04/3/2019 tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh T Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Ngoài ra, trước khi kết hôn với anh T, chị cũng đã có con với chồng cũ, quan hệ giữa con riêng của chị và anh T

không được hoà thuận. Anh **T** thường hay đánh đập chị và con riêng của chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh **T**.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 03/11/2019. Hiện cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị **E** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Phạm Văn **T** không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có phát sinh những mâu thuẫn nhỏ, vợ chồng vẫn chăm chỉ làm ăn, nuôi dạy con cái. Anh xét thấy vợ chồng vẫn còn tình cảm, có thể cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 03/11/2019. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu chị **E** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh **T** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị **E** đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh **T** không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Phạm Thị **E** được ly hôn anh Phạm Văn **T**. Giao cháu Phạm Minh K, sinh ngày 03/11/2019 cho chị **E** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Theo ý kiến trình bày của hai bên đương sự: Chị **E** và anh **T** thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản, không thống nhất được về phần hôn nhân và con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Phạm Văn **T** không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh **T** theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Anh **T** đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh **T** đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Toà án cũng đã triệu tập hợp lệ anh **T** lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên toà nhưng anh **T** vẫn không có mặt mà không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 BLTTDS Toà án xét xử vắng mặt anh **T**.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị **E** và anh Phạm Văn **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2019 tại UBND xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh **T** Hoá và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, quan hệ giữa con riêng của chị **E** và anh **T** không được hoà thuận, vấn đề này cũng đã được UBND xã Cao Ngọc xác nhận. Tòa án cũng đã nhiều lần triệu tập anh **T** lên làm việc để hoà giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh **T** đều không có mặt, thể hiện anh **T** không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ chị **E**, anh **T** đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **E** được ly hôn anh **T**.

[3] Về con cái: Chị **E** và anh **T** có 01 con chung. Chị **E** và anh **T** đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Xét thấy, hiện tại cháu K chưa được 01 tuổi, ở với mẹ sẽ tốt hơn. Để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị **E**, giao cháu K cho chị **E** trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy mức đề nghị cấp dưỡng của chị **E** là phù hợp, buộc anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản: Chị **E**, anh **T** không yêu cầu nên miễn xét.

[5] Về án phí: Chị **E** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Anh **T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; 227; 228; 271; 273; 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị **E** được ly hôn anh Phạm Văn **T**.

2. Về con cái: Giao cháu Phạm Minh **K**, sinh ngày 03/11/2019 cho chị **E** trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **T** phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 09/2020 cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Anh **T** có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Từ khi chị **E** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh **T** còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị **E** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2019/0011813 ngày 01/6/2020. Chị **E** đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Phạm Văn **T** phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị **E**, vắng mặt anh **T**. Chị **E** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã **C**;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Đức Hoàn

Bùi Trung Thành

Nguyễn T Tân

